

# MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH PHÁ THAI CỦA PHỤ NỮ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG NĂM 2006

Nguyễn Việt Tiến

Bộ môn Phụ sản - Trường Đại học Y Hà Nội

Tỷ lệ nạo hút thai ở Việt Nam còn rất cao và phụ thuộc khá nhiều vào các yếu tố cá nhân của người phụ nữ cũng như các yếu tố cung cấp dịch vụ tránh thai. **Mục tiêu:** đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ đến phá thai tại bệnh viện Phụ sản Trung ương. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 334 phụ nữ có thai dưới 12 tuần, đến phá thai tự nguyện, đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu. Thiết kế nghiên cứu là nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** tuổi trung bình là  $28,93 \pm 6,57$ ; 61,4% là cán bộ, 25,7% là nội trợ, và 8,1% là học sinh, sinh viên. 54,8% chưa nạo hút thai lần nào, 45,2% có ít nhất một lần nạo hút thai. Tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân và số con có liên quan đến tiền sử phá thai. **Kết luận:** các yếu tố của người phụ nữ như nhiều tuổi, trình độ học vấn thấp, có gia đình và đã có con là những yếu tố nguy cơ của tỷ lệ nạo hút thai cao.

Từ khoá: Nạo hút thai

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo ước tính của Tổ Chức Y tế Thế giới, Việt Nam là một trong những nước có tỷ lệ phá thai cao trong khu vực và trên thế giới. Hàng năm có trên 1 triệu trường hợp phá thai trên tổng số 80 triệu dân. Tỷ lệ phá thai/tổng số đẻ là 52%, và cứ 1000 phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ thì có tới 83 phụ nữ phải phá thai [1]. Theo thống kê của Bộ Y tế năm 2003 thì cả nước có 540.377 trường hợp phá thai, tuy nhiên con số thật có thể cao hơn vì nhiều trường hợp phá thai không thống kê được.

Có khá nhiều yếu tố ảnh hưởng đến nạo phá thai, trong đó chủ yếu là thất bại trong áp dụng biện pháp tránh thai, người phụ nữ chưa có đủ kiến thức về các biện pháp tránh thai cũng như là việc cung cấp các dịch vụ tránh thai ở những vùng nông thôn xa xôi, là chưa thật tốt. Theo Bruce một số yếu tố khác như các đặc trưng cá nhân của phụ nữ cũng ảnh hưởng đến nạo phá thai. Để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm **mục tiêu:**

**Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ đến phá thai tại bệnh viện Phụ Sản Trung ương**

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

Các phụ nữ có thai ngoài ý muốn dưới 12 tuần, đến phá thai tại đơn nguyên kế hoạch hoá gia đình, bệnh viện Phụ sản trung ương từ tháng 6/2006 - 12/2006.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Là một nghiên cứu mô tả cắt ngang. Cỡ mẫu được tính theo công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(p.\varepsilon)^2}$$

Trong đó:

$p$ : tỷ lệ phụ nữ đi phá thai chưa từng sử dụng biện pháp tránh thai (ước lượng 41%).

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ ;  $\varepsilon$ : sai số chuẩn (0,12%).

Cỡ mẫu nghiên cứu là 334 phụ nữ được nạo phá thai. Phụ nữ được lựa chọn ngẫu nhiên, mỗi tuần lựa chọn từ 12 - 15 đối tượng. Các đối tượng nghiên cứu được phỏng vấn theo phiếu phỏng vấn cá nhân: thông tin chung, tiền sử sản phụ khoa, đặc điểm lần phá thai này. Xử lý số liệu trên chương

trình SPSS 10.0. Tỷ suất chênh (OR) và khoảng tin cậy 95% (CI) được sử dụng để so sánh sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm bà mẹ.

### III. KẾT QUẢ

#### 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Trong số 334 phụ nữ được nghiên cứu, độ tuổi

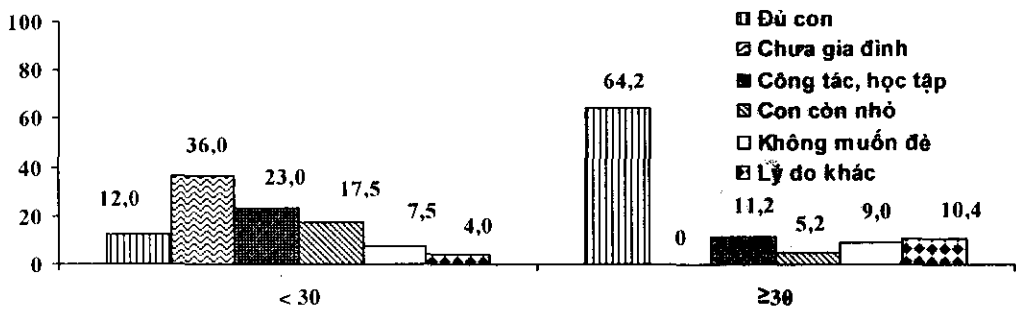
trung bình là  $28,93 \pm 6,57$  (19 - 46 tuổi). Có 61,4% là cán bộ công chức ; 25,7% là nội trợ ; 8,1% là học sinh và sinh viên. 54,8% số phụ nữ nạo hút thai lần đầu và 45,2% đã nạo hút thai ít nhất một lần. Số con trung bình là  $1,6 \pm 0,64$ , người nhiều con nhất là 4 con.

#### 2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ

**Bảng 1. Tuổi, nghề nghiệp và tiền sử phá thai**

Yếu tố	Có tiền sử		Không có tiền sử		OR	95% CI
	N	(%)	N	(%)		
Tuổi	< 30	45 (22,5)	155 (77,5)	1	7,42 - 23,07	
	≥ 30	106 (79,1)	28 (20,9)	13,0		
Nghề	CBCC	49 (38,0)	80 (62,0)	0,6	0,38 - 0,98	
	Khác	102 (49,8)	103 (50,2)	1		

Nhóm phụ nữ trên 30 tuổi có tiền sử nạo hút thai cao hơn nhóm dưới 30 tuổi 13 lần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $OR=13,03$  ;  $CI = 7,42 - 23,07$ . Nhóm phụ nữ có nghề nghiệp không phải là cán bộ viên chức có tiền sử nạo hút thai cao hơn nhóm cán bộ công chức, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $OR = 0,6$  ;  $CI = 0,38 - 0,98$ .



**Biểu đồ 1. Lý do phá thai và tuổi thai**

Trong số phụ nữ được nghiên cứu, 38,1% phụ nữ phá thai vì lý do đủ con, 18% phá thai vì lý do chưa có gia đình, 17,1% phá thai vì lý do công tác học tập. Trong nhóm dưới 30 tuổi thì lý do phá thai chủ yếu là chưa có gia đình (36%) trong khi nhóm trên 30 tuổi lý do chủ yếu là đã đủ con (64,2%).

**Bảng 2. Trình độ học vấn và tiền sử phá thai**

Trình độ học vấn	Có tiền sử		Không có tiền sử		OR	95% CI
	N	(%)	N	(%)		
Tiểu học, THCS	10	(71,4)	4	(28,6)	1	
Trung học phổ thông	58	(38,9)	91	(61,1)	0,25	0,06 - 0,94
Đại học/trung học CN	83	(49,1)	88	(50,9)	0,38	0,10 - 1,38

Những người có trình độ học vấn cao có tiền sử nạo hút thai thấp hơn những người có trình độ học vấn thấp hơn. Những người có trình độ học vấn trung học phổ thông có tiền sử nạo hút thai thấp hơn những người có trình độ tiểu học và trung học cơ sở 4 lần, sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê với 95% CI: 0,06 - 0,94. Những người có trình độ học vấn đại học và trung học chuyên nghiệp có tiền sử nạo hút thai thấp hơn những người có trình độ tiểu học và trung học cơ sở 3 lần, tuy nhiên sự khác biệt này không mang ý nghĩa thống kê với 95% CI: 0,10 - 1,38.

**Bảng 3. Tình trạng hôn nhân, số con và tiền sử phá thai**

Yếu tố		Có tiền sử		Không có tiền sử		OR	95% CI
		N	(%)	N	(%)		
Hôn nhân	Có gia đình	138	(52,7)	124	(47,3)	1	0,10 - 0,39
	Chưa có gia đình	13	(18,1)	59	(81,9)	0,2	
Số con	Có con	127	(63,3)	74	(36,7)	1	0,07 - 0,22
	Chưa có con	24	(18,1)	109	(81,9)	0,1	

Nhóm phụ nữ chưa có gia đình có tiền sử nạo hút thai thấp hơn nhóm phụ nữ có gia đình 5 lần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với 95% CI: 0,10 - 0,39. Tương tự nhóm phụ nữ chưa có con có tiền sử nạo hút thai thấp hơn so với nhóm phụ nữ có con 10 lần, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với 95% CI: 0,07 - 0,22.

## IV. BÀN LUẬN

### 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi trẻ hơn so với nghiên cứu của Mai Thị Như Hoa [2]. Sự khác biệt có thể là do địa điểm nghiên cứu và thời điểm nghiên cứu khác nhau, đặc biệt trong nghiên cứu này chúng tôi thấy nhóm trẻ tuổi đi nạo hút thai rất cao. Nghề nghiệp của đối tượng trong nghiên cứu này khác với một số nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phượng và Phạm Minh Tâm, nhưng điểm chung giữa các nghiên cứu là nhóm cán bộ viên chức chiếm tỷ lệ cao nhất [6; 7]. Trình độ học vấn trong nghiên cứu của chúng tôi có tới 48,8% đối tượng có trình độ cao đẳng và đại học, tương đương với nghiên cứu của Mai Thị Như Hoa [2]. Tỷ lệ phụ nữ chưa có gia đình đi nạo hút thai rất cao chiếm tới 21,6%, kết quả này tương tự như kết quả của Mai Thị Như Hoa và Phạm Thị Minh Tâm [2; 7]. Cũng tương tự thì tỷ lệ phụ nữ chưa có con đi nạo hút chiếm tới 39,8%, tương đương kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị

Ngọc Phượng là 35% [6]. Có tới 45,2% phụ nữ có tiền sử nạo hút thai ít nhất một lần trước đó, kết quả này giống kết quả của Nguyễn Thị Ngọc Phượng là 46,7%, điều này chứng tỏ công tác tư vấn cho phụ nữ khi họ đến phá thai lần đầu chưa được tốt dẫn đến tình trạng có thai lại ngay sau phá thai.

### 2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ

Bảng 1 cho thấy nhóm phụ nữ trên 30 tuổi phá thai cao hơn nhóm phụ nữ <30 tuổi với OR = 13 và khoảng tin cậy 95% từ 7,42 đến 23,07. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê, chứng tỏ tuổi của người phụ nữ có ảnh hưởng đến quyết định phá thai của họ. Nhóm phụ nữ có độ tuổi dưới 30 thì lý do đi phá thai chính là chưa lập gia đình (chiếm 36%) trong khi nhóm phụ nữ trên 30 tuổi thì lý do chính đi phá thai là đã đủ con (chiếm 64,2%) (biểu đồ 1). Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Năm và cộng sự về tình hình phá thai của phụ nữ tỉnh Bình Thuận cho thấy tỷ lệ phá thai ở nhóm

phụ nữ trên 35 tuổi cao hơn nhóm phụ nữ dưới 35 tuổi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê [5]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phượng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Minh Tâm tại Hà Nội cũng cho kết quả tương tự [6 ; 7].

Nhóm cán bộ công chức có tiền sử nạo hút thai thấp hơn nhóm phụ nữ có nghề nghiệp khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $OR = 0,6$  (CI 95%: 0,38 - 0,98). Điều này chứng tỏ nghề nghiệp có ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ. Nghiên cứu của Trần Thị Phương Mai cũng cho thấy nghề nghiệp có ảnh hưởng đến quyết định nạo hút thai [4]. Nghiên cứu của Lê Văn Len cũng kết luận nghề nghiệp của phụ nữ liên quan chặt chẽ đến việc hút thai của phụ nữ [3], nhưng nhóm phụ nữ là nông dân có tỷ lệ hút thai cao nhất, có thể nghiên cứu của tác giả thực hiện tại huyện Lang Chánh là huyện miền núi Thanh hoá ở đó chủ yếu là làm ruộng.

Bảng 2 cho thấy trình độ học vấn có ảnh hưởng đến quyết định phá thai của người phụ nữ, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Nhìn chung nhóm phụ nữ trình độ học vấn thấp thì tỷ lệ nạo hút thai càng cao. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phượng, Trần Thị Phương Mai, Lê Văn Len cũng cho kết quả tương tự [3; 4; 6]. Trong nghiên cứu này chúng tôi thấy nhóm phụ nữ chưa có gia đình và chưa có con có tiền sử nạo hút thai thấp hơn nhóm phụ nữ chưa có gia đình và có con. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phượng và Nguyễn Thị Năm [5; 6]. 52,7% phụ nữ có gia đình đã từng đi nạo hút thai ít nhất một lần và cũng có tới 18,1% phụ nữ trong nhóm chưa có gia đình đã từng đi nạo hút thai. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Ngọc Phượng cũng cho thấy số con trong gia đình có liên quan đến vấn đề nạo hút thai, tỷ lệ phá thai tăng lên từ 61,2% trong nhóm có từ 1 - 2 con đến 91,6% trong nhóm có từ 3 - 4 con [6], nghiên cứu của Nguyễn Thị Năm cũng cho kết quả tương tự [5].

## V. KẾT LUẬN

Tuổi trung bình của phụ nữ đi phá thai là  $28,93 \pm 6,57$ . Lý do chính đi nạo hút thai là đủ con, chưa lập gia đình và để công tác học tập. Các yếu tố của người phụ nữ như nhiều tuổi, trình độ học vấn thấp, có gia đình và có đã có con là những yếu tố nguy cơ của tỷ lệ nạo hút thai cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Vương Tiến Hòa (2004)**. "Làm mẹ an toàn: những thành công và thách thức". Những vấn đề thách thức trong sức khỏe sinh sản hiện nay. NXB Y học, Hà Nội. Tr 7 - 41
2. **Mai Thị Như Hoa (2004)**. « Đánh giá tình trạng hút thai và các biện pháp kế hoạch hoá gia đình tại bệnh viện phụ sản trung ương năm 2004 ». Khoá luận văn tốt nghiệp bác sỹ đa khoa - 2004. Trường Đại học Y Hà Nội
3. **Lê Văn Len**. Tình hình nạo hút thai huyện Lang Chánh tỉnh Thanh hoá năm 2000 - 2001. Nội san sản phụ khoa - Số đặc biệt 7/2002. Tr.196.
4. **Trần Thị Phương Mai và cộng sự (2004)**. "Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định phá thai tại Việt Nam". Hội nghị Việt Pháp về sản phụ khoa vùng châu Á Thái bình dương lần thứ IV - tháng 05/2004.
5. **Nguyễn Thị Năm và cộng sự (2002)**. "Tình hình nạo phá thai của phụ nữ tỉnh Bình Thuận năm 2002". Nội san sản phụ khoa - số đặc biệt 2003. Tr. 292 - 298.
6. **Nguyễn Thị Ngọc Phượng, Lê Tự Phương Chi (2004)**. "Các yếu tố quyết định nạo phá thai tại thành phố Hồ Chí Minh". Nội san Sản phụ khoa 2004. Tr.297 - 304.
7. **Phạm Minh Tâm và cộng sự (2000)**. "Các yếu tố liên quan đến tai biến của thủ thuật nạo hút thai tại một số cơ sở y tế của Hà Nội 1999". Nội san sản phụ khoa - 7/2000. Tr. 92 - 102.